

Bản án số: 584/2022/HS-PT
Ngày 23 tháng 8 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 359/2022/TLPT-HS ngày 08 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo Trần Văn C do có kháng cáo của bị cáo Trần Văn C, các bị hại là bà Đoàn Thị D, bà Bào Cẩm P, bà Lê Thị Kim T, bà Trần Thúy X, bà Lê Thị M, bà Hồ Thị N, bà Dương Thị Q, bà Huỳnh Thị K, bà Dương Kim C1 và bà Phan Thị N1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2022/HS-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

Trần Văn C(tên gọi khác là Thành C), sinh năm 1971 tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp R, xã K1, huyện T1, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Tuyết T2(đã chết); có vợ tên Tống Kim T3 và có 03 con;

Tiền án: Có 02 tiền án (1. Tại Bản án hình sự số 182 ngày 12/11/1994 bị Tòa án tỉnh Minh Hải xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản C dân” theo Điều 155 của Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/7/1995, còn phần dân sự buộc bị cáo nộp lại 01 chỉ vàng 24K do thu nhập bất chính để sung vào C quỹ nhà nước và phần án phí 50.000 đồng đến nay chưa chấp hành; 2. Tại Bản án hình sự số 46/STHS ngày 21/9/2004 bị Tòa án nhân

dân huyện T1, tỉnh Cà Mau xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do C kháng cáo nên được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử tại Bản án số 28/PTHS ngày 30/12/2004, giữ nguyên Bản án số 46/STHS ngày 21/9/2004, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2006, còn phần án phí 100.000 đồng đến nay chưa chấp hành);

Tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/12/2020 đến ngày 26/5/2021 được gia đình bảo lãnh. Bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo:* Luật sư Lâm Văn G thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị hại có kháng cáo, gồm có:*

1. Bà Lê Thị M, sinh năm 1958 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp R1, xã K1, huyện T1, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1975 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp L, xã K1, huyện T1, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Dương Kim C1, sinh năm 1966 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp R1, xã K1, huyện T1, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Dương Thị Q, sinh năm 1979 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp R1, xã K1, huyện T1, tỉnh Cà Mau.

5. Bà Hồ Thị N, sinh năm 1970 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp R1, xã K1, huyện T1, tỉnh Cà Mau.

6. Bà Phan Thị N1, sinh năm 1973 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp R1, xã K1, huyện T1, tỉnh Cà Mau.

7. Bà Trần Thúy X, sinh năm 1973 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp R, xã K1, huyện T1, tỉnh Cà Mau.

8. Bà Bào Cẩm P, sinh năm 1971 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp K1 A, xã Khánh Hải, huyện T1, tỉnh Cà Mau.

9. Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1985

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Quốc K2, sinh năm 1984 (Theo Giấy ủy quyền ngày 29/4/2022 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp R, xã K1, huyện T1, tỉnh Cà Mau.

10. Bà Đoàn Thị D, sinh năm 1974 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp R, xã K1, huyện T1, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo:*

Bà Tổng Kim T3, sinh năm 1974 (vợ của bị cáo)

Nơi cư trú: Ấp R, xã K1, huyện T1, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, Trần Văn C bắt đầu làm chủ hội, mở các dây hội cho những người quen biết ở địa phương tham gia. Đến năm 2017, C tiếp tục mở 14 dây hội tháng (1 tháng khai 1 lần) gồm: Hội 5.000.000 đồng (đ) (có 06 dây), hội 3.000.000đ (có 08 dây). Hình thức tổ chức hội dưới dạng chân hội được gọi là “Tờ giao ước chơi hội” do C đứng tên và để cho các hội viên tin tưởng tham gia nhiều hơn, C để thêm tên vợ là Tổng Kim T3 trong tờ giao ước chơi hội, khi bỏ thăm khai hội được tổ chức tại nhà C nếu người nào không đi bỏ thăm thì phải điện trước cho C, ai bỏ thăm cao được hốt, mỗi kỳ khai thì C được hưởng tiền hoa hồng đối với hội 5.000.000đ được 3.000.000đ, hội 3.000.000đ được 2.000.000đ cho mỗi lần khai. Sau khi khai hội 10 ngày đến 11 ngày thì phải đóng tiền đầy đủ nếu hội viên nào đóng trễ phải đóng thêm 20.000đ/1.000.000đ, hội viên nào tham gia 02 chân thì chỉ được hốt 01 chân.

Trong quá trình làm chủ 14 dây hội từ năm 2017 đến năm 2019 thì C bị các hội viên hốt hội rồi không đóng lại hội chết. Ngoài ra C còn sử dụng tiền tiêu xài cá nhân nên bị mất cân đối nên mới nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các hội viên, bằng cách lợi dụng sự tin tưởng của các hội viên không đi bỏ thăm mà điện kêu C bỏ thăm giùm và C bỏ thăm cao để hốt rồi nói với họ không được hốt nhưng thực chất thì C đã hốt rồi đóng lại phần chênh lệch hội chết chân hội C hốt nên họ không hay biết và vẫn đóng tiền hội sống.

Đến tháng 4 năm 2020, C không còn khả năng tiếp tục làm chủ hội nên đã tuyên bố đình hội thì C đã tự ý bỏ thăm 20 chân hội, hốt chiếm đoạt được 1.498.760.000đ. Hành vi chiếm đoạt tiền hội của C như sau:

Dây 01: Mở ngày 01/8/2017 (nhằm ngày 10/6/2017 âl), loại hội 3.000.000đ, 01 tháng khai một lần vào lúc 12h ngày 10 (âl) hàng tháng, gồm 37 chân (37 kỳ), có 26 hội viên. Khai được 33 kỳ thì đình hội, còn 04 kỳ chưa khai, C tham gia 04 chân (04 kỳ) đã hốt xong ở kỳ 01, 03, 15, 17.

Dây hội này, C lợi dụng việc hội viên không đi bỏ thăm khai hội, tự ý hốt 02 kỳ, số tiền chiếm đoạt 140.350.000đ.

- Kỳ 30, ngày 05/12/2019, lấy tên hội viên Huỳnh Thị K (Sui Tâm, Duyên), bỏ thăm 1.700.000đ, hốt được 69.100.000đ.

- Kỳ 33, ngày 03/3/2020, lấy tên hội viên Lê Thị M (Hai Tưng), bỏ thăm 1.950.000đ, hốt được 71.250.000đ.

* Những hội viên đã đóng hội 33 kỳ hội sống chưa được hốt, số tiền 263.200.000đ.

(1) Lê Thị M, 01 chân, số tiền 52.640.000đ;

(2) Huỳnh Thị K, 01 chân, số tiền 52.640.000đ (01 chân mua của Tổng Kiều Duyên);

(3) Dương Kim C1(Chi Quy), 01 chân, số tiền 52.640.000đ;

(4) Hồ Kim T4(T4), 01 chân, số tiền 52.640.000đ;

(5) Nguyễn Thị X1(Phong Xe), 01 chân, số tiền 52.640.000đ.

Dây 02: Mở ngày 09/10/2017 (nhằm ngày 20/8/2017 âl), loại hụi 3.000.000đ, 01 tháng khui một lần vào lúc 12h ngày 20 (âl) hàng tháng, gồm 36 chân (36 kỳ), 27 hụi viên, khui 31 kỳ thì đình hụi, còn lại 05 kỳ chưa khui, C tham gia 02 chân (02 kỳ) đã hốt xong ở kỳ 01, 21.

Dây hụi này, C lợi dụng việc hụi viên không đi bỏ thăm khui hụi, tự ý hốt 02 kỳ, số tiền chiếm đoạt 132.990.000đ.

- Kỳ 24, ngày 20/8/2019, lấy tên hụi viên Lê Thanh L1(Lộc Cá), bỏ thăm 1.320.000 đồng, hốt được 66.840.000đ.

- Kỳ 26, ngày 18/10/2019, lấy tên hụi viên Ngô Cẩm P2(Tâm Út Phụng), bỏ thăm 1.350.000 đồng, hốt được 66.150.000đ.

* Những hụi viên đã đóng hụi 31 kỳ hụi sống chưa được hốt, số tiền 325.860.000đ.

(1) Ngô Cẩm P2, 01 chân, số tiền 54.310.000đ (01chân mua Huỳnh Ngọc Q1);

(2) Lê Thanh L1, 01 chân, số tiền 54.310.000đ;

(3) Hồ Tuyết X2(Chín Xuân), 01 chân, số tiền 54.310.000đ;

(4) Võ Xuân N2(Năm Trường), 02 chân, số tiền 108.620.000đ

(5) Lê Ngọc M1(Vợ Tùng Nảo), 01 chân, số tiền 54.310.000đ.

Dây 03: Mở ngày 13/11/2017 (nhằm ngày 25/9/2017 âl), loại hụi 3.000.000đ, 01 tháng khui một lần vào lúc 12h ngày 25 (âl) hàng tháng, gồm 35 chân (35 kỳ), 23 hụi viên. Khui được 30 kỳ thì đình hụi, còn lại 05 kỳ chưa khui, C tham gia 03 chân (03 kỳ) đã hốt xong ở kỳ 01, 14, 22.

Dây hụi này, C lợi dụng việc hụi viên không đi bỏ thăm khui hụi, tự ý hốt 02 kỳ, số tiền chiếm đoạt 139.230.000đ.

- Kỳ 23, ngày 25/8/2019, lấy tên hụi viên Lê Thanh L1(Lộc Cá), bỏ thăm 1.320.000đ, hốt được 68.520.000đ.

- Kỳ 30, ngày 18/3/2020, lấy tên hụi viên Nguyễn Thị N3(Vợ Ký), bỏ thăm 1.810.000đ, hốt được 70.710.000đ.

* Những hụi viên đã đóng hụi 30 kỳ hụi sống chưa được hốt, số tiền 357.280.000đ.

(1) Lê Thanh L1, 01 chân, số tiền 51.040.000đ;

- (2) Nguyễn Thị N3, 01 chân, số tiền 51.040.000đ;
- (3) Dương Thị Q, 01 chân, số tiền 51.040.000đ;
- (4) Ngô Thị T5, 01 chân, số tiền 51.040.000đ;
- (5) Võ Thúy Q2, 01 chân, số tiền 51.040.000đ;
- (6) Trịnh Bích V, 01 chân, số tiền 51.040.000đ.
- (7) Huỳnh Thị C2, 01 chân, số tiền 51.040.000đ;

Dây 04. Mở ngày 21/02/2018 (nhằm ngày 06/01/2018 âl), loại hội 3.000.000đ, 01 tháng khai một lần vào lúc 12h ngày 06 (âl) hàng tháng, gồm 37 chân (37 kỳ), 28 hội viên. Khai được 27 kỳ thì đình hội, còn lại 10 kỳ chưa khai, C tham gia 03 kỳ đã hốt xong ở kỳ 01, 08, 12.

Dây hội này, C lợi dụng việc hội viên không đi bỏ thăm khai hội, tự ý hốt 02 chân (02 kỳ), số tiền chiếm đoạt 147.300.000đ.

- Kỳ 15, ngày 10/4/2019, lấy tên hội viên Lâm Văn D1, bỏ thăm 1.350.000đ, hốt được 67.950.000đ.

- Kỳ 26, ngày 28/02/2020, lấy tên hội viên Hồ Thanh C3, bỏ thăm 1.310.000đ, hốt được 79.350.000đ.

* Những hội viên đã đóng hội 27 kỳ hội sống chưa được hốt, số tiền 574.440.000đ.

- (1) Lý Văn C3, 01 chân, số tiền 47.870.000đ;
- (2) Lâm Văn D1 (Út Lan RLA), 01 chân, số tiền 47.870.000đ;
- (3) Hồ Thanh C3 (Cường RLB), 01 chân, số tiền 47.870.000đ;
- (4) Nguyễn Thị X1(Năm Tuấn RLA), 01 chân, số tiền 47.870.000đ;
- (5) Hồ Thị N (Ánh Nga RLA), 01 chân, số tiền 47.870.000đ;
- (6) Nguyễn Trọng C4(Cần Chín Xuân), 01 chân, số tiền 47.870.000đ;
- (7) Lê Hồng T6(Nam Thắm), 01 chân, số tiền 47.870.000đ;
- (8) Trịnh Bích V (Vợ Sang), 01 chân, số tiền 47.870.000đ;
- (9) Phan Thị N1(Út Chiến), 02 chân, số tiền 95.740.000đ;
- (10) Nguyễn Thị H(Hạnh Lực), 02 chân, số tiền 95.740.000đ.

Dây 05. Mở ngày 02/3/2018 (nhằm ngày 15/01/2018 âl), loại hội 5.000.000đ, 01 tháng khai một lần vào lúc 12h ngày 15 (âl) hàng tháng, gồm 35 chân (35 kỳ), 23 hội viên. Khai được 27 kỳ thì đình hội, còn lại 08 kỳ chưa khai, C tham gia 02 chân (02 kỳ) đã hốt xong ở kỳ 01, 14.

Dây hội này, C lợi dụng việc hội viên không đi bỏ thăm khai hội, tự ý hốt 04 kỳ, số tiền chiếm đoạt 369.860.000đ.

- Kỳ 16, ngày 19/5/2019, lấy tên hội viên Ngô Kim N4, bỏ thăm 2.570.000đ, hốt được 88.600.000đ.

- Kỳ 19, ngày 15/8/2019, lấy tên hội viên Trần Thúy X, bỏ thăm 2.850.000đ, hốt được 88.750.000đ.

- Kỳ 22, ngày 11/11/2019, lấy tên hội viên Nguyễn Văn L2, bỏ thăm 2.690.000đ, hốt được 96.960.000đ.

- Kỳ 26, ngày 08/3/2020, lấy tên hội viên Trịnh Bích V (Sang Càng), bỏ thăm 2.650.000đ, hốt được 95.550.000đ.

* Những hội viên đã đóng hội 27 kỳ hội sống chưa được hốt, số tiền 837.720.000đ.

(1) Ngô Kim N4, 01 chân, số tiền 69.810.000đ;

(2) Trần Thúy X, 01 chân, số tiền 69.810.000đ;

(3) Nguyễn Văn L2, 01 chân, số tiền 69.810.000đ;

(4) Trịnh Bích V (Sang Càng), 01 chân, số tiền 69.810.000đ;

(5) Hồ Thị N, 01 chân, số tiền 69.810.000đ;

(6) Hồ Tuyết X2(Chín Xuân), 01 chân, số tiền 69.810.000đ;

(7) Lý Văn C3, 02 chân, số tiền 139.620.000đ;

(8) Dương Thị Q, 04 chân, số tiền 279.240.000đ.

Dây 06. Mở ngày 12/4/2018 (nhằm ngày 27/02/2018 âl), loại hội 5.000.000đ, 01 tháng khui một lần vào lúc 12h ngày 27 (âl) hàng tháng, gồm 32 chân (32 kỳ), 23 hội viên. Khui được 25 kỳ thì đình hội, còn lại 07 kỳ chưa khui, C tham gia 03 chân (03 kỳ) đã hốt xong ở kỳ 01, 11, 12.

Dây hội này, C lợi dụng việc hội viên không đi bỏ thăm nên tự ý hốt 01 chân, ở kỳ 13. Vào ngày 01/4/2019, lấy tên hội viên Huỳnh Thị K, bỏ thăm 2.350.000đ, hốt chiếm đoạt 88.000.000đ.

* Những hội viên đã đóng hội 25 kỳ hội sống chưa được hốt, số tiền 541.040.000đ.

(1) Huỳnh Thị K, 01 chân, số tiền 67.630.000đ;

(2) Lý Văn C3, 01 chân, số tiền 67.630.000đ;

(3) Dương Thị Q, 02 chân, số tiền 135.260.000đ;

(4) Hà Thiện T7, 01 chân, số tiền 67.630.000đ;

(5) Phạm Thị B1, 02 chân, số tiền 135.260.000đ;

(6) Lý Minh Tuấn X3, 01 chân, số tiền 67.630.000đ.

Dây 07: Mở ngày 08/6/2018 (nhằm ngày 25/4/2018 âl), loại hội 3.000.000đ, 01 tháng khui một lần vào lúc 12h ngày 25 (âl) hàng tháng, gồm 37

chân (37 kỳ), 23 hội viên. Khai được 23 kỳ thì đình hội, còn lại 14 kỳ chưa khai, C tham gia 03 chân (03 kỳ) đã hết xong ở kỳ 01, 05, 12.

Dây hội này, C lợi dụng việc hội viên không đi bỏ thăm nên tự ý hết 04 kỳ, số tiền chiếm đoạt là 223.630.000đ.

- Kỳ 13: Ngày 29/5/2019, lấy tên hội viên Bào Cẩm P, bỏ thăm 1.370.000đ, hết được 54.120.000đ.

- Kỳ 16, 18: Ngày 25/8/2019 và ngày 23/10/2019, lấy tên hội viên Lê Thị M, hết được 112.490.000đ.

- Kỳ 21: Ngày 19/01/2020, lấy tên hội viên Lê Thị Kim T, bỏ thăm 1.420.000đ, hết được 57.020.000đ.

* Những hội viên đã đóng hội 23 kỳ hội sống chưa được hết, số tiền 712.620.000đ.

(1) Bào Cẩm P, 01 chân, số tiền 39.590.000đ;

(2) Lê Thị M (Hai Tưng), 02 chân, số tiền 79.180.000đ;

(3) Lê Thị Kim T (tên hội Khái), 01 chân, số tiền 39.590.000đ;

(4) Lý Văn C3, 02 chân, số tiền 79.180.000đ;

(5) Dương Thị Q, 02 chân, số tiền 79.180.000đ;

(6) Đoàn Thị D2, 02 chân, số tiền 79.180.000đ;

(7) Phạm Bé X3, 01 chân, số tiền 39.590.000đ;

(8) Ngô Thị T5, 04 chân, số tiền 158.360.000đ;

(9) Phù Thị L3, 01 chân, số tiền 39.590.000đ;

(10) Võ Thúy Q2, 01 chân, số tiền 39.590.000đ;

(11) Nguyễn Thị Mỹ X4, 01 chân, số tiền 39.590.000đ.

(BL: 61, 76, 481, 477, 502, 504, 547, 549, 553 - 558, 604, 606, 613, 615, 827,829, 875, 877, 955, 1.090)

Dây 08: Mở ngày 08/6/2018 (nhằm ngày 25/4/2018 âm), loại hội 5.000.000đ, 01 tháng khai một lần vào lúc 12h ngày 25 (âm) hàng tháng, gồm 31 chân (31 kỳ), 27 hội viên. Khai được 23 kỳ thì đình hội, còn lại 08 kỳ chưa khai, C tham gia 02 chân (02 kỳ) đã hết xong ở kỳ 01, 07.

Dây hội này, C lợi dụng việc hội viên không đi bỏ thăm nên tự ý hết 02 kỳ, số tiền chiếm đoạt là 213.100.000đ.

- Kỳ 12: Ngày 29/4/2019, lấy tên hội viên Lê Thị Kim T, bỏ thăm 2.250.000đ, hết được 100.000.000đ.

- Kỳ 23: Ngày 18/02/2020, lấy tên hội viên Nguyễn Văn H1, bỏ thăm 2.900.000đ, hết được 113.100.000đ.

* Những hội viên đã đóng hội 23 kỳ hội sống chưa được hốt, số tiền 625.400.000đ.

- (1) Lê Thị Kim T, 01 chân, số tiền 62.540.000đ;
- (2) Nguyễn Văn H1, 01 chân, số tiền 62.540.000đ;
- (3) Dương Thị Q, 02 chân, số tiền 125.080.000đ;
- (4) Lê Văn Đ, 01 chân, số tiền 62.540.000đ;
- (5) Nguyễn Minh T8, 01 chân, số tiền 62.540.000đ;
- (6) Phan Thị N1(Chiến), 01 chân, số tiền 62.540.000đ;
- (7) Đoàn Thị D2 (Vợ Bắc), 01 chân, số tiền 62.540.000đ;
- (8) Nguyễn Thị Út C5(Thanh Hùng), 01 chân, số tiền 62.540.000đ;
- (9) Ngô Kim N4, 01 chân, số tiền 62.540.000đ;

Dây 09: Mở ngày 21/11/2018 (nhằm ngày 15/10/2018 âl), loại hội 3.000.000đ, 01 tháng khai một lần vào lúc 12h ngày 15 (âl) hàng tháng, gồm 28 chân (28 kỳ), 19 hội viên, khai 17 kỳ thì đình hội, còn lại 11 kỳ chưa khai, C tham gia 04 chân (04 kỳ) đã hốt xong ở kỳ 01, 02, 05, 07.

Dây hội này, C lợi dụng việc hội viên không đi bỏ thăm nên tự ý hốt 01 chân, ở kỳ 14. Vào ngày 10/12/2019, lấy tên hội viên Đặng Cẩm M1(Vũ Phong), bỏ thăm 1.300.000đ, hốt chiếm đoạt 44.300.000đ.

* Những hội viên đã đóng hội 17 kỳ hội sống chưa được hốt, số tiền 362.160.000đ.

- (1) Đặng Cẩm M1, 01 chân, số tiền 30.590.000đ;
- (2) Lý Văn C3, 03 chân, số tiền 91.770.000đ;
- (3) Dương Thị Q, 02 chân, số tiền 61.180.000đ;
- (4) Trần Thị N5, 01 chân, số tiền 25.670.000đ;
- (5) Bào Cẩm P, 01 chân, số tiền 30.590.000đ;
- (6) Huỳnh Thị K, 01 chân, số tiền 30.590.000đ;
- (7) Ngô Cẩm P2, 01 chân, số tiền 30.590.000đ;
- (8) Ngô Kim N4, 01 chân, số tiền 30.590.000đ;
- (9) Lê Phước L1, 01 chân, số tiền 30.590.000đ;

Dây 10: Mở ngày 17/12/2017 (nhằm ngày 30/10/2017 âl), loại hội tháng, loại 5.000.000đ, gồm 32 chân, 22 hội viên, khai được 29 kỳ, hội viên hốt 29 kỳ (dây hội này bị can Trần Văn C không chiếm đoạt tiền của hội viên).

Dây 11: Mở ngày 07/3/2018 (nhằm ngày 20/01/2018 âl), loại hội tháng, loại 3.000.000đ, gồm 36 chân, 22 hội viên, khai được 26 kỳ, hội viên hốt 26 kỳ (dây hội này bị can Trần Văn C không chiếm đoạt tiền của hội viên).

Dây 12: Mở ngày 26/11/2018 (nhằm ngày 20/10/2018 âm), loại hội tháng, loại 5.000.000đ, gồm 23 chân, 16 hội viên, khai được 17 kỳ, hội viên hốt 17 kỳ (dây hội này bị can Trần Văn C không chiếm đoạt tiền của hội viên).

Dây 13: Mở ngày 30/01/2020 (nhằm ngày 06/01/2020 âm), loại hội tháng, loại 3.000.000đ, gồm 34 chân, 24 hội viên, khai được 03 kỳ, hội viên hốt 03 kỳ (dây hội này bị can Trần Văn C không chiếm đoạt tiền của hội viên).

Dây 14: Mở ngày 23/02/2020 (nhằm ngày 01/02/2020 âm), loại hội tháng, loại 5.000.000đ, gồm 30 chân, 22 hội viên, khai được 02 kỳ, hội viên hốt 02 chân (dây hội này bị can Trần Văn C không chiếm đoạt tiền của hội viên).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2022/HS-ST ngày 20/4/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 48; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Phạt bị cáo C 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 07 tháng 12 năm 2020 đến ngày 03 tháng 8 năm 2021.
3. Buộc bị cáo có nghĩa vụ thanh toán cho các bị hại với số tiền cụ thể, trong đó các bị hại kháng cáo như sau:

Thanh toán cho bà Lê Thị M 122.280.000 (một trăm hai mươi hai triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng;

Thanh toán cho bà Huỳnh Thị K 89.700.000 (tám mươi chín triệu bảy trăm nghìn) đồng;

Thanh toán cho bà Dương Kim C 152.640.000 (năm mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng;

Thanh toán cho bà Dương Thị Q 812.070.000 (tám trăm mười hai triệu không trăm bảy mươi nghìn) đồng;

Thanh toán cho bà Hồ Thị N 123.890.000 (một trăm hai mươi ba triệu tám trăm chín mươi nghìn) đồng;

Thanh toán cho bà Phan Thị N1 128.280.000 (một trăm hai mươi tám triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng;

Thanh toán cho bà Trần Thúy X 92.790.000 (chín mươi hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn) đồng;

Thanh toán cho bà Bào Cẩm P 58.000.000 (năm mươi tám triệu) đồng;

Thanh toán cho bà Lê Thị Kim T 89.420.000 (tám mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn) đồng;

Thanh toán cho bà Đoàn Thị D 141.720.000 (một trăm bốn mươi một triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng;

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/4/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau nhận đơn kháng cáo của bà Đoàn Thị D là bị hại yêu cầu tăng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Văn C, buộc vai trò đồng phạm của bà Tống Kim T3 là vợ của bị cáo C.

Ngày 29/4/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau nhận đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn C xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29/4/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị Kim T là bị hại yêu cầu tăng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Văn C, buộc vai trò đồng phạm của bà Tống Kim T3 là vợ của bị cáo C.

Ngày 04/5/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau nhận đơn kháng cáo của bà Bào Cẩm P, bà Trần Thúy X, bà Lê Thị M là các bị hại yêu cầu xem xét bà T3 không có tội là không đúng, bỏ sót tội phạm.

Ngày 04/5/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau nhận đơn kháng cáo của bà Hồ Thị N, bà Dương Thị Q, bà Huỳnh Thị K, bà Dương Kim C1 là các bị hại yêu cầu tăng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Văn C, buộc vai trò đồng phạm của bà Tống Kim T3 là vợ của bị cáo C, bị cáo và bà T3 có trách nhiệm liên đới trả cho các bị hại bà Hồ Thị N số tiền 225.000.000 đồng, bà Dương Thị Q số tiền 1.706.000.000 đồng, bà Huỳnh Thị K số tiền 293.840.000 đồng, bà Dương Kim C1 số tiền 99.000.000 đồng.

Ngày 05/5/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau nhận đơn kháng cáo của bà Phan Thị N1 là bị hại yêu cầu tăng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Văn C, buộc vai trò đồng phạm của bà Tống Kim T3 là vợ của bị cáo C, bị cáo và bà T3 có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 277.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Đoàn Thị D, bà Lê Thị Kim T không yêu cầu tăng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Văn C và buộc vai trò đồng phạm của bà Tống Kim T3 là vợ của bị cáo C.

Bà Bào Cẩm P, bà Trần Thúy X, Bà Lê Thị M không yêu cầu buộc vai trò đồng phạm của bà Tống Kim T3 là vợ của bị cáo C.

Bà Hồ Thị N, bà Dương Thị Q, bà Huỳnh Thị K, bà Dương Kim C1 và bà Phan Thị N1 không yêu cầu tăng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo C, không yêu cầu vai trò đồng phạm của bà Tống Kim T3, chỉ yêu cầu bà T3 cùng liên đới trách nhiệm hình sự trả số tiền bị cáo C chiếm đoạt như án sơ thẩm đã tuyên.

Các bị hại đã rút lại yêu cầu tăng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo C và yêu cầu vai trò đồng phạm của bà Tống Kim T3, chỉ yêu cầu bà T3 cùng liên đới trách nhiệm hình sự trả số tiền bị cáo C chiếm đoạt như án sơ thẩm đã tuyên.

Bà T3 trình bày: Bà đồng ý cùng bị cáo C trả số tiền bị cáo C chiếm đoạt của 36 bị hại như án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Năm 2015, Trần Văn C bắt đầu làm chủ hội, mở các dây hội cho những người quen biết ở địa phương tham gia. Hình thức tổ chức hội dưới dạng chân hội được gọi là “Tờ giao ước chơi hội” do C đứng tên và để cho các hội viên tin tưởng tham gia nhiều hơn, C để thêm tên vợ là Tống Kim T3 trong tờ giao ước chơi hội. Đến tháng 4 năm 2020, C không còn khả năng tiếp tục làm chủ hội nên đã tuyên bố đình hội. C và các bị hại khai phù hợp số tiền chiếm đoạt được 1.498.760.000 đồng. Án sơ thẩm tuyên C 12 năm tù là có căn nhắc các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

Đối với bà Tống Kim T3 (vợ của bị cáo), quá trình điều tra xác định bà T3 có nhiều lần tổ chức khai hội cho các hội viên tham gia bỏ thăm là do bị cáo C kêu, còn việc tính toán như thế nào thì bà T3 không biết. Bà T3 cũng không hay biết bị cáo C dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các hội viên, tờ giao ước chơi hội có tên bà T3 là do bị cáo C ghi tên vào chứ bà T3 không hay biết, cho đến khi bị cáo C tuyên bố đình hội thì bà T3 mới biết, không chứng minh được vai trò đồng phạm của bà T3.

Bị cáo mở dây hội từ 2015 đến năm 2019, bà T3 biết, có sử dụng trong mục đích của gia đình. Cấp sơ thẩm không buộc bà T3 là có thiếu sót. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, án sơ thẩm xử bị cáo 12 năm tù là có chiều cốt. Kháng cáo của bị hại về vai trò đồng phạm của bà T3 là không có căn cứ. Kháng cáo về trách nhiệm dân sự là có căn cứ, buộc bà T3 có trách nhiệm liên đới với bị cáo trả tiền cho 36 bị hại như án sơ thẩm đã tuyên.

Việc tịch thu xe của bị cáo chưa phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho Cơ quan Thi hành án phát mãi. Số tiền thu được trả cho các bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có bệnh tim, bị cáo cùng vợ liên đới khắc phục hậu quả cho các bị hại. Mong Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo trình bày: Thống nhất ý kiến của người bào chữa.

Các bị hại không tranh luận gì thêm.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Mong Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Văn C thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm đã nêu.

Từ năm 2015, Trần Văn C làm chủ hội bằng việc mở nhiều dây hội cho nhiều người tham gia để hưởng hoa hồng. Đến đầu năm 2017, để có tiền lấp hội chết do các hội viên hốt hội nhưng không đóng và tiêu xài cá nhân, C đã nảy sinh ý thức chiếm đoạt tiền hội của các hội viên bằng hành vi lợi dụng hội viên không trực tiếp tham gia bỏ thăm khi khai hội để tự ý hốt hội của họ. Cụ thể: Từ ngày 01/8/2017 (nhằm ngày 10/6/2017 âm) đến ngày 21/11/2018 (nhằm ngày 15/10/2018 âm), C mở 09 dây hội tháng, trong đó, loại hội 3.000.000 đồng gồm 06 dây, loại hội 5.000.000 đồng gồm 03 dây. Trong đó, C tự ý hốt 20 chân hội của hội viên trong 09 dây hội chiếm đoạt tổng số tiền 1.498.760.000 đồng.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo và các bị hại kháng cáo đã nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Văn C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3.2] Về hình phạt: Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm hại đến đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong giao dịch dân sự bằng hình thức chơi hội. Hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra đã làm cho nhiều hội viên bị thiệt hại nghiêm trọng về tài sản.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đầy đủ cho bị cáo như bị cáo đã khắc phục được 01 phần thiệt hại (từ khi đình hội đến nay, C đã trả được cho các hội viên tổng số tiền là 463.500.000 đồng); Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Quá trình điều tra và truy tố và tại phiên tòa, bị hại (gồm có: Ông Lê Thanh L1(bút lục số 677), bà Lê Ngọc M1(bút lục số 611), bà Trịnh Bích V (bút lục số 710), bà Huỳnh Thị C2 (bút lục số 831), bà Phù Thị L3 (bút lục số 614), bà Nguyễn Thị Mỹ X4 (bút lục số 528), ông Lê Phước L1 (bút lục số 772), Nguyễn Thị X1(sinh năm 1977), Nguyễn Thị N3, Hồ Thanh C3, Nguyễn Thị X1(sinh năm 1968)), không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo; Có kiến thức pháp luật hạn chế do trình độ học vấn thấp; Gia đình có nhiều người có công với cách mạng (gồm có: Bà ngoại ruột tên Trần Thị X4 là Bà Mẹ Việt Nam anh hùng, 02 cậu ruột tên Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn K3 là liệt sĩ, có anh ruột tên Tăng Văn H2 là thương binh hạng 4/4).

Tại phiên tòa, các bị hại là bà Đoàn Thị D, bà Lê Thị Kim T, bà Hồ Thị N, bà Dương Thị Q, bà Huỳnh Thị K, bà Dương Kim C1 và bà Phan Thị N1 rút lại yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo C nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này.

Hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3.3] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bà Hồ Thị N, bà Dương Thị Q, bà Huỳnh Thị K, bà Dương Kim C1 và bà Phan Thị N1 rút lại yêu cầu buộc bị cáo và bà T3 phải bồi thường số tiền hụi có tính lãi, chấp nhận số tiền như án sơ thẩm đã tuyên và các bị hại gồm có bà Đoàn Thị D, bà Lê Thị Kim T, bà Bào Cẩm P, bà Trần Thúy X, Bà Lê Thị M, bà Hồ Thị N, bà Dương Thị Q, bà Huỳnh Thị K, bà Dương Kim C1 và bà Phan Thị N1 rút yêu cầu buộc vai trò đồng phạm của bà Tống Kim T3 là vợ của bị cáo C nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này.

Bà Tống Kim T3 (vợ của bị cáo) có nhiều lần tổ chức khui hụi cho các hụi viên tham gia bỏ thăm là do bị cáo C kêu, còn việc tính toán như thế nào thì bà T3 không biết. Bà T3 cũng không hay biết bị cáo C dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các hụi viên, tờ giao ước chơi hụi có tên bà T3 là do bị cáo C ghi tên vào chứ bà T3 không hay biết, cho đến khi bị cáo C tuyên bố đình hụi thì bà T3 mới biết. Bà T3 không đồng phạm với bị cáo C trong vụ án này.

Bà Tống Kim T3 tự nguyện cùng bị cáo C trả số tiền bị cáo C chiếm đoạt của 36 bị hại như án sơ thẩm đã tuyên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà T3, bà T3 cùng bị cáo C có trách nhiệm trả số tiền bị cáo C chiếm đoạt của 36 bị hại như án sơ thẩm đã tuyên.

[3.4] Về xử lý vật chứng: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại NOUVO 5, màu xanh trắng, biển số kiểm soát 69N1-376.86, số máy 1DB1164044, số khung RLCN1DB10DY164031 hiện do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau quản lý (Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/01/2022), cấp sơ thẩm tịch thu của bị cáo là không đúng nên Hội đồng xét xử giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau phát mãi, số tiền thu được trả cho các bị hại.

[3.5] Từ những nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bà Đoàn Thị D, bà Lê Thị Kim T, bà Hồ Thị N, bà Dương Thị Q, bà Huỳnh Thị K, bà Dương Kim C1 và bà Phan Thị N1 về yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo C; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bà Hồ Thị N, bà Dương Thị Q, bà Huỳnh Thị K, bà Dương Kim C1 và bà Phan Thị N1 về yêu cầu buộc bị cáo và bà T3 phải bồi thường số tiền hụi có tính lãi và các bị hại gồm có bà Đoàn Thị D, bà Lê Thị Kim T, bà Bào Cẩm P, bà Trần Thúy X, Bà Lê Thị M, bà Hồ Thị N, bà Dương Thị Q, bà Huỳnh Thị K, bà Dương Kim C1 và bà Phan Thị N1 về yêu cầu buộc vai trò đồng phạm của bà Tống Kim T3 là vợ của bị cáo C; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và sửa lại phần xử lý vật chứng xe mô tô như phân tích trên.

Ghi nhận sự tự nguyện này của bà T3, bà T3 cùng bị cáo C có trách nhiệm trả số tiền bị cáo C chiếm đoạt của 36 bị hại như án sơ thẩm đã tuyên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Do không được chấp nhận kháng cáo, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo cùng bà T3 phải chịu số tiền 102.168.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Do sửa án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, ghi nhận sự tự nguyện của bà T3 cùng bị cáo C trả tiền cho các bị hại nên các bị hại kháng cáo về phần này không chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các nội dung khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 48; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các Điều 584; Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn C. Giữ nguyên án sơ thẩm về hình phạt.

Xử phạt bị cáo Trần Văn C 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 07 tháng 12 năm 2020 đến ngày 03 tháng 8 năm 2021.

2. Căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

2.1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Đoàn Thị D, bà Lê Thị Kim T, bà Hồ Thị N, bà Dương Thị Q, bà Huỳnh Thị K, bà Dương Kim C1 và bà Phan Thị N1 về yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo C;

2.2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Hồ Thị N, bà Dương Thị Q, bà Huỳnh Thị K, bà Dương Kim C1 và bà Phan Thị N1 về yêu cầu buộc bị cáo và bà T3 phải bồi thường số tiền hui có tính lãi.

2.3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Đoàn Thị D, bà Lê Thị Kim T, bà Bào Cẩm P, bà Trần Thúy X, Bà Lê Thị M, bà Hồ Thị N, bà

Dương Thị Q, bà Huỳnh Thị K, bà Dương Kim C1 và bà Phan Thị N1 về yêu cầu buộc vai trò đồng phạm của bà Tống Kim T3 là vợ của bị cáo C;

3. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị N, bà Dương Thị Q, bà Huỳnh Thị K, bà Dương Kim C1 và bà Phan Thị N1. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2022/HS-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau về phần trách nhiệm dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tống Kim T3, bà Tống Kim T3 cùng bị cáo C có trách nhiệm trả số tiền bị cáo C chiếm đoạt của 36 bị hại với số tiền cụ thể như sau:

3.1. Thanh toán cho bà Lê Thị M 122.280.000 (một trăm hai mươi hai triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng;

3.2. Thanh toán cho bà Huỳnh Thị K 89.700.000 (tám mươi chín triệu bảy trăm nghìn) đồng;

3.3. Thanh toán cho bà Dương Kim C1 52.640.000 (năm mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng;

3.4. Thanh toán cho bà Hồ Kim T4 31.640.000 (ba mươi một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng;

3.5. Thanh toán cho bà Nguyễn Thị X1 (sinh năm 1977) 53.850.000 (năm mươi ba triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng;

3.6. Thanh toán cho bà Ngô Cẩm P2 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng;

3.7. Thanh toán cho bà Hồ Tuyết X2 149.420.000 (một trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn) đồng;

3.8. Thanh toán cho bà Võ Xuân N2 110.830.000 (một trăm mười triệu tám trăm ba mươi nghìn) đồng;

3.9. Thanh toán cho bà Nguyễn Thị N3 46.040.000 (bốn mươi sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng;

3.10. Thanh toán cho bà Dương Thị Q 812.070.000 (tám trăm mười hai triệu không trăm bảy mươi nghìn) đồng;

3.11. Thanh toán cho bà Ngô Thị T5 149.400.000 (một trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm nghìn) đồng;

3.12. Thanh toán cho bà Võ Thúy Q2 95.930.000 (chín mươi lăm triệu chín trăm ba mươi nghìn) đồng;

3.13. Thanh toán cho ông Lý Văn C3 58.470.000 (năm mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi nghìn) đồng;

3.14. Thanh toán cho ông Lâm Văn D1 8.870.000 (tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn) đồng;

3.15. Thanh toán cho ông Hồ Thanh C3 35.450.000 (ba mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng;

3.16. Thanh toán cho bà Nguyễn Thị X1(sinh năm 1968) 35.870.000 (ba mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi nghìn) đồng;

3.17. Thanh toán cho bà Hồ Thị N 123.890.000 (một trăm hai mươi ba triệu tám trăm chín mươi nghìn) đồng;

3.18. Thanh toán cho ông Nguyễn Trọng C4 47.870.000 (bốn mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi nghìn) đồng;

3.19. Thanh toán cho bà Lê Hồng T6 42.870.000 (bốn mươi hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn) đồng;

3.20. Thanh toán cho bà Phan Thị N1 128.280.000 (một trăm hai mươi tám triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng;

3.21. Thanh toán cho bà Nguyễn Thị H 82.740.000 (tám mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng;

3.22. Thanh toán cho bà Ngô Kim N4 216.250.000 (hai trăm mười sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng;

3.23. Thanh toán cho bà Trần Thúy X 92.790.000 (chín mươi hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn) đồng;

3.24. Thanh toán cho ông Nguyễn Văn L2 69.810.000 (sáu mươi chín triệu tám trăm mười nghìn) đồng;

3.25. Thanh toán cho ông Hà Thiện T7 67.630.000 (sáu mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi nghìn) đồng;

3.26. Thanh toán cho bà Phạm Bé X3 150.150.000 (một trăm năm mươi triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng;

3.27. Thanh toán cho ông Lý Minh Tuấn X3 7.630.000 (bảy triệu sáu trăm ba mươi nghìn) đồng;

3.28. Thanh toán cho bà Bào Cẩm P 58.000.000 (năm mươi tám triệu) đồng;

3.29. Thanh toán cho bà Lê Thị Kim T 89.420.000 (tám mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn) đồng;

3.30. Thanh toán cho bà Đoàn Thị D 141.720.000 (một trăm bốn mươi một triệu bảy trăm hai mươi) đồng;

3.31. Thanh toán cho ông Nguyễn Văn H1 47.540.000 (bốn mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng;

3.32. Thanh toán cho ông Lê Văn Đ 45.830.000 (bốn mươi lăm triệu tám trăm ba mươi nghìn) đồng;

3.33. Thanh toán cho ông Nguyễn Minh T8 50.440.000 (năm mươi triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng;

3.34. Thanh toán cho bà Nguyễn Thị Út C5 69.830.000 (sáu mươi chín triệu tám trăm ba mươi nghìn) đồng;

3.35. Thanh toán cho bà Đặng Cẩm M1 30.590.000 (ba mươi triệu năm trăm chín mươi nghìn) đồng;

3.36. Thanh toán cho bà Trần Thị N5 22.670.000 (hai mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng;

4. Về xử lý vật chứng: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại NOUVO 5, màu xanh trắng, biển số kiểm soát 69N1-376.86, số máy 1DB1164044, số khung RLCN1DB10DY164031 hiện do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau quản lý (Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/01/2022), giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau phát mãi, số tiền thu được trả cho các bị hại.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo C cùng bà T3 phải chịu số tiền 102.168.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2022/HS-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

8. Án phí dân sự phúc thẩm: Đương sự không phải chịu.

Hoàn tạm nộp án phí cho bà Hồ Thị N số tiền đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000049 ngày 04/5/2022; bà Dương Thị Q số tiền đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000050 ngày 04/5/2022; bà Huỳnh Thị K số tiền đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000048 ngày 04/5/2022; bà Dương Kim C1 số tiền đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000052 ngày 04/5/2022; bà Phan Thị N1 số tiền đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000055 ngày 04/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau ;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

- C an tỉnh Cà Mau ;
- Sở tư pháp tỉnh Cà Mau ;
- Trại tạm giam C an tỉnh Cà Mau
(để tổng đạt cho bị cáo);
- Người bị hại;
- Lưu (Ấn - Trú).

Đinh Ngọc Thu Hương